

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 123/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19-10-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 9/33/56 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh MizuKami E, sinh năm 1970; nơi cư trú: Nhật Bản; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp 13-6-2018 và các văn bản khác nguyên đơn là chị Lê Hồng A trình bày: Chị A và anh MizuKami E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 06-01-2012. Sau khi chung sống được một tuần, anh MizuKami E quay trở lại Nhật Bản để thực hiện thủ tục bảo lãnh cho chị A sang Nhật Bản. Nhưng anh MizuKami E không đủ điều kiện kinh tế để bảo lãnh nên cơ quan có thẩm quyền từ chối. Sau đó anh MizuKami E có về Việt Nam chung sống cùng chị A hai lần được khoảng vài tuần. Vì không đủ điều kiện bảo lãnh cho chị A sang Nhật Bản nên cơ hội vợ chồng được cùng chung sống không có, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt cho đến năm 2014, anh MizuKami E và

chị A không còn thường xuyên liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chị A xin ly hôn với anh MizuKami E.

Tại đơn xin ly hôn ngày 20-8-2018, anh MizuKami E xác nhận mối quan hệ giữa anh và chị A được xác lập như chị A trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ khi anh MizuKami E quay trở lại Nhật Bản và không thực hiện được thủ tục bảo lãnh cho chị A sang Nhật Bản. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị A không thể sang Nhật Bản và anh MizuKami E không muốn sang Việt Nam nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị A có yêu cầu ly hôn, anh MizuKami E đồng ý.

Về quan hệ nuôi con chung và tài sản chung: Chị A và anh MizuKami E xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh MizuKami E và trình bày đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nhưng được ly hôn với anh MizuKami E; về con chung và tài sản chung: Chị A xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh MizuKami E vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên anh MizuKami E có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh MizuKami E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt anh MizuKami E.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh MizuKami E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 06-01-2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh MizuKami E và chị A chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì anh MizuKami E phải về Nhật Bản. Do anh MizuKami E không đủ điều kiện về kinh tế nên không thể bảo lãnh cho chị A sang Nhật Bản chung sống, và anh MizuKami E cũng không muốn về Việt Nam sinh sống nên cơ

hội vợ chồng được sống cùng nhau là không có. Do không được chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thời gian đầu anh MizuKami E còn sang Việt Nam và các bên còn liên lạc với nhau nhưng từ năm 2014 cho đến nay, các bên không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn nên cả anh MizuKami E và chị A đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của chị A và anh MizuKami E là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A và anh MizuKami E xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Hồng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Hồng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Hồng A được ly hôn với anh MizuKami E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Lê Hồng A và anh MizuKami E xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Hồng A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010975 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Hồng A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Lê Hồng A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh MizuKami E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương